

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 42

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 – Thông tin về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Hân	Thành viên	
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khái	Trưởng Ban
Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hân	Tổng Giám đốc
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Sơn đã ủy quyền cho Ông Đinh Xuân Hân - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 001/GUQ-TCTD ngày 4 tháng 1 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

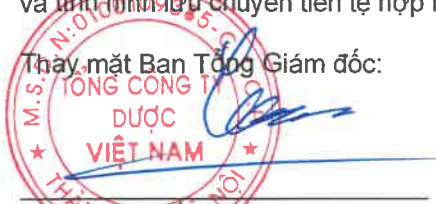
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61516334/22574458

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4482-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

02/03/2022
15:00
15:00
15:00
15:00
15:00

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		830.299.171.500	694.904.641.066
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	77.086.633.799	22.530.785.286
111	1. Tiền		11.586.633.799	12.530.785.286
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.500.000.000	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		673.000.000.000	591.980.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	673.000.000.000	591.980.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.469.992.744	18.375.492.609
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	2.420.408.496	2.352.273.790
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.315.471.633	644.395.061
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	27.375.409.370	25.183.342.443
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,7	(8.679.441.217)	(9.804.518.685)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		38.144.462	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	54.275.942.386	58.710.596.871
141	1. Hàng tồn kho		56.313.666.593	59.203.399.955
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.037.724.207)	(492.803.084)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.466.602.571	3.307.766.300
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.204.200.004	2.051.543.226
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.262.402.567	1.256.223.074
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.993.161.920.329	1.981.352.614.332
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.785.628	90.785.628
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.785.628	90.785.628
220	II. Tài sản cố định		27.437.075.542	31.820.303.841
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.011.486.832	31.820.303.841
222	Nguyên giá		78.639.107.907	81.918.548.207
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(51.627.621.075)	(50.098.244.366)
227	2. Tài sản cố định vô hình		425.588.710	-
228	Nguyên giá		441.000.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.411.290)	-
230	III. Bất động sản đầu tư	11	774.851.903	-
231	1. Nguyên giá		3.985.959.391	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.211.107.488)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	602.350.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	602.350.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.964.671.594.722	1.948.405.720.792
251	1. Đầu tư vào công ty con		286.193.148.150	286.193.148.150
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết		907.922.117.546	924.614.446.300
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		778.876.842.309	778.876.842.309
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.320.513.283)	(41.278.715.967)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		247.612.534	433.454.071
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		247.612.534	433.454.071
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.823.461.091.829	2.676.257.255.398

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.118.938.244	20.948.890.199
310	I. Nợ ngắn hạn		24.950.289.633	20.790.241.588
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	837.523.230	1.824.718.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	6.793.192.753	3.503.908.219
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	108.861.788	93.681.941
314	4. Phải trả người lao động		5.000.199.680	4.871.010.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.783.682.545	3.758.526.031
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		199.690.909	199.237.500
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.703.483.875	616.178.725
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	6.523.654.853	5.922.980.941
330	II. Nợ dài hạn		168.648.611	158.648.611
337	1. Phải trả dài hạn khác		168.648.611	158.648.611
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.798.342.153.585	2.655.308.365.199
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	2.798.342.153.585	2.655.308.365.199
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		53.558.962.101	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		374.783.191.484	285.308.365.199
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		136.949.403.098	112.461.112.854
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước		237.833.788.386	172.847.252.345
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.823.461.091.829	2.676.257.255.398

Người lập




Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt




Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	22.479.881.487	32.175.425.153
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	(161.086.374)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	22.479.881.487	32.014.338.779
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(24.399.054.158)	(27.702.876.060)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.919.172.671)	4.311.462.719
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	251.354.266.165	243.247.588.411
22	7. Chi phí tài chính	22	32.917.646.432	(26.651.236.705)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(4.075.440.395)	(5.746.291.320)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(34.545.455.405)	(36.602.939.740)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		243.731.844.126	178.558.583.365
31	11. Thu nhập khác		25.900.920	4.770.680
32	12. Chi phí khác		-	(131.863)
40	13. Lợi nhuận khác		25.900.920	4.638.817
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		243.757.745.046	178.563.222.182
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	(33.348.813)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		243.757.745.046	178.529.873.369

Người lập




Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt




Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Đinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		243.757.745.046	178.563.222.182
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		4.796.045.487	4.664.050.415
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/ dự phòng		(32.517.068.377)	26.543.149.901
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		36.317.227	(16.838.276)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(251.325.920.076)	(243.225.046.135)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(35.252.880.693)	(33.471.461.913)
09	Giảm các khoản phải thu		839.357.665	1.335.409.627
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		2.868.442.710	(255.046.208)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		3.402.568.794	1.416.294.181
12	Giảm chi phí trả trước		185.841.537	675.964.022
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả		-	(33.348.813)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.323.282.748)	(5.409.657.510)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(33.279.952.735)	(35.741.846.614)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(430.233.752)	(2.716.822.607)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		3.300.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(181.020.000.000)	(457.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		100.000.000.000	361.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(15.452.915.055)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.692.328.754	280.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		247.415.003.473	248.862.975.483
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		182.660.398.475	135.473.237.821

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(94.788.280.000)	(94.784.650.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(94.788.280.000)	(94.784.650.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		54.592.165.740	4.946.741.207
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.530.785.286	17.567.205.803
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(36.317.227)	16.838.276
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	77.086.633.799	22.530.785.286

Người lập

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc



Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- ▶ In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- ▶ Giáo dục nghề nghiệp;
- ▶ Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 78 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 84 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 4 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
				Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	65,41%	65,41%	65,41%	65,41%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 509 – 515 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.	66,35%	66,57%	66,35%	66,57%
3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, đường Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.	65,00%	66,73%	65,00%	66,65%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.	62,17%	93,70%	62,17%	93,70%

(*) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản nhận được từ hợp tác kinh doanh để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tổng Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản (diện tích sàn văn phòng và các căn hộ chung cư) là giá trị được xác định tại thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần và sau đó, được phê duyệt bởi Bộ Y tế theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Tổng Công ty Dược Việt Nam (Công ty TNHH Một thành viên) sang Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	9 - 50 năm
---------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần (ngày 8 tháng 12 năm 2016) được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty. Các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê văn phòng

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất ra hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	8.630.031.994	5.056.208.893
Tiền gửi ngân hàng	2.956.601.805	7.474.576.393
Các khoản tương đương tiền (i)	65.500.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	77.086.633.799	22.530.785.286

(i) Các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn 3 tháng và hưởng lãi suất là 3,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất 3,9%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi ngân hàng	673.000.000.000	673.000.000.000	591.980.000.000	591.980.000.000
TỔNG CỘNG	673.000.000.000	673.000.000.000	591.980.000.000	591.980.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 6 đến 7 tháng và hưởng lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 6,5%/năm đến 7%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I- PHARBACO	679.638.168	-
Liên đoàn Bóng đá Việt Nam	399.081.504	135.380.200
Công ty TNHH Phúc Lâm	328.595.827	328.595.827
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Y học Sao Việt	-	320.604.447
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	1.013.092.997	1.098.693.316
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	-	469.000.000
TỔNG CỘNG	<u>2.420.408.496</u>	<u>2.352.273.790</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(447.410.521)	(445.466.521)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Hàm Nghi	1.007.640.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Quản lý doanh nghiệp	172.000.000	172.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Thành – UDIC	-	163.665.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	135.831.633	308.730.061
TỔNG CỘNG	<u>1.315.471.633</u>	<u>644.395.061</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Vốn góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.760.453.532	(5.760.453.532)	7.194.600.000	(7.194.600.000)
Phải thu về cổ tức	7.855.577.164	(2.151.677.164)	2.151.677.164	(1.844.552.164)
Phải thu lãi tiền gửi	10.444.117.808	-	12.240.101.205	-
Các khoản tạm ứng	100.026.000	-	396.860.655	-
Phải thu ngắn hạn khác	715.234.866	(319.900.000)	700.103.419	(319.900.000)
TỔNG CỘNG	27.375.409.370	(8.232.030.696)	25.183.342.443	(9.359.052.164)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>3.523.750.000</i>	<i>(1.023.750.000)</i>	<i>3.523.750.000</i>	<i>(716.625.000)</i>

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	6.888.380.696	-	8.322.527.164	-
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	1.023.750.000	-	1.023.750.000	307.125.000
Các khách hàng khác	770.226.520	2.915.999	765.366.521	-
TỔNG CỘNG	8.682.357.216	2.915.999	10.111.643.685	307.125.000

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	385.324.618	-	376.404.158	(21.290.652)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.170.834.584	(1.115.570.279)	3.674.423.118	-
Hàng hóa	2.798.023.663	(922.153.928)	5.193.088.951	(471.512.432)
Hàng hóa bất động sản (*)	49.959.483.728	-	49.959.483.728	-
TỔNG CỘNG	56.313.666.593	(2.037.724.207)	59.203.399.955	(492.803.084)

(*) Bao gồm giá trị hàng hóa bất động sản là diện tích sàn văn phòng và các căn hộ chung cư của Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm tại địa chỉ 60B Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định dùng cho quản lý	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm	51.075.534.260	23.030.944.319	6.090.190.789	1.721.878.839	81.918.548.207
- Mua trong năm	466.749.091	30.370.000	-	-	497.119.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	249.550.000	-	-	249.550.000
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.985.959.391)	-	-	-	(3.985.959.391)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(40.150.000)	(40.150.000)
Số dư cuối năm	47.556.323.960	23.310.864.319	6.090.190.789	1.681.728.839	78.639.107.907
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	97.168.128	43.600.000	1.670.931.190	751.930.879	2.563.630.197
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	32.110.701.898	13.091.003.030	3.727.035.200	1.169.504.238	50.098.244.366
- Khấu hao trong năm	1.692.379.282	2.358.865.258	509.181.384	220.208.273	4.780.634.197
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.211.107.488)	-	-	-	(3.211.107.488)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(40.150.000)	(40.150.000)
Số dư cuối năm	30.591.973.692	15.449.868.288	4.236.216.584	1.349.562.511	51.627.621.075
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	18.964.832.362	9.939.941.289	2.363.155.589	552.374.601	31.820.303.841
Số dư cuối năm	16.964.350.268	7.860.996.031	1.853.974.205	332.166.328	27.011.486.832

Tổng Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là tòa nhà số 95 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội cho các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa,
vật kiến
trúc

Nguyên giá:

Số đầu năm	-
- Chuyển từ TSCĐHH	3.985.959.391
Số cuối năm	<u>3.985.959.391</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết -

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	-
- Chuyển từ TSCĐHH	(3.211.107.488)
Số cuối năm	<u>(3.211.107.488)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u><u>774.851.903</u></u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	907.922.117.546	924.614.446.300
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	778.876.842.309	778.876.842.309
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(8.320.513.283)</u>	<u>(41.278.715.967)</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>1.964.671.594.722</u></u>	<u><u>1.948.405.720.792</u></u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	138.997.108.326	-	384.203.400.000	138.997.108.326	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	123.241.224.756	-	213.356.000.000	123.241.224.756	-
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	23.954.815.068	-	19.565.000.000	23.954.815.068	-
TỔNG CỘNG	286.193.148.150	-	19.565.000.000	286.193.148.150	12.512.500.000

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. **ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)
12.2. **Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	477.969.183.365	-	1.143.390.345.200	477.969.183.365	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo (ii)	184.490.141.457	-	(*)	201.182.470.211	-
Danapha	131.058.047.634	-	285.215.600.500	131.058.047.634	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i)	44.983.510.213	-	58.212.000.000	44.983.510.213	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	50.340.601.545	-	214.523.155.000	50.340.601.545	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	14.814.901.439	-	(*)	14.814.901.439	-
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	4.265.731.893	(4.151.568.406)	(*)	4.265.731.893	-
TỔNG CỘNG	907.922.117.546	(4.151.568.406)		924.614.446.300	(1.173.596.035)

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội hoặc giá giao dịch bình quân của cổ phiếu trên thị trường giao dịch của các công ty đạt chúng chưa niêm yết (Upcom).
- (ii) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo Việt Nam do nhận được cổ tức từ nguồn lợi nhuận trước thuế ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần. Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty đang trong quá trình phối hợp với Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo để thực hiện các thủ tục giải thể theo các quy định hiện hành.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	22,03%	22,03%	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo	Số 10 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	26,20%	26,20%	26,43%	26,43%	26,43%	26,43%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số nhà 138 Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	15,00%	173.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	18,23%	197.712.783.695	-	302.733.275.000	18,21%	197.712.783.695	(22.000.455.695)
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i)	13,40%	139.411.862.876	-	203.783.580.000	13,40%	139.411.862.876	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharmaco (i)	5,18%	69.305.080.876	-	106.016.094.000	6,33%	69.305.080.876	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Viciphar (i)	14,29%	63.378.674.920	-	89.155.959.200	14,29%	63.378.674.920	-
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (i)	10,23%	46.022.915.860	-	56.084.071.500	10,23%	46.022.915.860	(12.056.506.360)
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,90%	37.739.465.978	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (i)	6,78%	11.861.708.288	(3.043.483.288)	8.818.225.000	6,78%	11.861.708.288	(3.721.808.288)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Mediplantex (i)	11,37%	11.611.996.106	-	21.341.125.000	11,37%	11.611.996.106	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharco (i)	9,10%	9.231.455.589	(1.125.461.589)	8.105.994.000	9,10%	9.231.455.589	(2.326.349.589)
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	7,76%	4.763.803.820	-	(*)	7,76%	4.763.803.820	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-
TỔNG CỘNG		778.876.842.309	(4.168.944.877)			778.876.842.309	(40.105.119.932)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội hoặc giá giao dịch bình quân của cổ phiếu trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom).
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	837.523.230	837.523.230	1.448.112.690	1.448.112.690
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco	525.443.696	525.443.696	59.263.991	59.263.991
- Công ty Cổ phần Interbrand Việt Nam	-	-	859.939.465	859.939.465
- Trung tâm Thiết bị y tế Tuyết Mai - Nguyễn Thị Thu Dung	75.783.000	75.783.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	236.296.534	236.296.534	528.909.234	528.909.234
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	376.605.532	376.605.532
TỔNG CỘNG	837.523.230	837.523.230	1.824.718.222	1.824.718.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Gsp pharm	2.013.827.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	1.270.247.619	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Sông Hồng	1.031.615.840	-
Công ty TNHH Dược phẩm HQ	850.000.000	850.000.000
Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar (MKP)	399.000.000	399.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	-	762.845.924
Văn phòng đại diện Cadila	-	557.000.000
Các đối tượng khác	1.228.502.294	935.062.295
TỔNG CỘNG	6.793.192.753	3.503.908.219

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	25.138.205	2.071.014.829	(2.052.433.079)	43.719.955
Thuế thu nhập cá nhân	68.543.736	2.481.900.274	(2.485.302.177)	65.141.833
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.207.342.188	(6.207.342.188)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
TỔNG CỘNG	93.681.941	10.769.257.291	(10.754.077.444)	108.861.788

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ bảo quản hàng	2.323.569.475	2.143.858.719
Lãi phải trả cho cổ đông	263.459.080	263.553.107
Chi phí xây dựng cơ bản	213.594.835	339.578.471
Chi phí phải trả khác	983.059.155	1.011.535.734
TỔNG CỘNG	3.783.682.545	3.758.526.031
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh 26)</i>	1.454.078.185	856.137.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí bảo trì căn hộ	223.814.799	223.814.799
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	37.660.000	25.940.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.442.009.076	366.423.926
TỔNG CỘNG	<u>1.703.483.875</u>	<u>616.178.725</u>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.922.980.941	5.650.017.427
Trích lập quỹ trong năm	5.923.956.660	5.682.621.024
Sử dụng quỹ trong năm	(5.323.282.748)	(5.409.657.510)
Số cuối năm	<u>6.523.654.853</u>	<u>5.922.980.941</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	-	207.261.112.854	2.577.261.112.854
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	178.529.873.369	178.529.873.369
Chia cổ tức	-	-	(94.800.000.000)	(94.800.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý	-	-	(5.682.621.024)	(5.682.621.024)
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>285.308.365.199</u>	<u>2.655.308.365.199</u>
Năm nay				
Số đầu năm	2.370.000.000.000	-	285.308.365.199	2.655.308.365.199
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	243.757.745.046	243.757.745.046
Chia cổ tức (*)	-	-	(94.800.000.000)	(94.800.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	53.558.962.101	(53.558.962.101)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý (*)	-	-	(5.923.956.660)	(5.923.956.660)
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>53.558.962.101</u>	<u>374.783.191.484</u>	<u>2.798.342.153.585</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2020 với tỷ lệ là 4% trên mệnh giá cổ phiếu (400 VND/1 cổ phiếu). Tổng Công ty cũng thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020 và tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cán bộ quản lý từ lợi nhuận năm 2021 căn cứ theo Nghị quyết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Đơn vị tính: Cổ phiếu		
				Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Nhà nước (*)	154.050.000	154.050.000	-	154.050.000	154.050.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương	40.290.000	40.290.000	-	40.290.000	40.290.000	-
Các cổ đông khác	42.660.000	42.660.000	-	42.660.000	42.660.000	-
	237.000.000	237.000.000	-	237.000.000	237.000.000	-

(*) Theo Quyết định số 2088/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam, Bộ Y tế là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP.

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2020: 400 VND/cổ phiếu	94.800.000.000	-
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2019: 400 VND/cổ phiếu	-	94.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả		
Cổ tức cho năm 2020	(94.785.480.000)	-
Cổ tức cho năm 2019	(1.600.000)	(94.784.080.000)
Cổ tức cho năm 2018	(1.200.000)	(570.000)

18.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	5.570	275
- Euro (EUR)	15.646	7.646
- Forint Hungari (FT)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	662.000

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	22.479.881.487	32.175.425.153
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	10.642.404.317	15.431.318.872
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.687.477.171	14.836.471.688
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	149.999.999	150.410.959
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	1.757.223.634
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	161.086.374
Hàng bán trả lại	-	161.086.374
Doanh thu thuần	22.479.881.487	32.014.338.779
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.499.070.549	2.425.938.354
Doanh thu với các bên khác	19.980.810.938	29.588.400.425

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	39.426.320.830	36.722.052.845
Cổ tức, lợi nhuận được chia	211.896.599.246	206.502.993.290
Chiết khấu thanh toán được hưởng	21.504.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.842.089	22.542.276
TỔNG CỘNG	251.354.266.165	243.247.588.411

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.558.920.219	11.190.995.235
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.273.922.164	14.804.055.016
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	-	1.547.943.525
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.566.211.775	159.882.284
TỔNG CỘNG	24.399.054.158	27.702.876.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(32.958.202.684)	26.637.926.125
Lỗi chênh lệch tỷ giá	40.556.252	13.310.580
TỔNG CỘNG	(32.917.646.432)	26.651.236.705

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	2.395.894.700	2.556.671.609
Chi phí khấu hao	86.096.928	86.096.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.199.042	1.656.314.396
Chi phí bán bất động sản	-	42.536.045
Chi phí bán hàng khác	1.159.249.725	1.404.672.342
TỔNG CỘNG	4.075.440.395	5.746.291.320
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	702.804.405	1.388.796.454
Chi phí nhân công	15.018.334.738	14.938.078.366
Chi phí khấu hao	1.988.221.621	1.922.277.047
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.125.077.468)	(118.890.000)
Thuế, phí và lệ phí	2.777.838.196	2.788.416.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.289.478.289	7.814.374.991
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.893.855.624	7.869.886.661
TỔNG CỘNG	34.545.455.405	36.602.939.740

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	5.695.296.049	11.175.878.721
Chi phí nhân công	20.779.193.408	20.610.679.896
Chi phí khấu hao	4.796.045.487	4.664.050.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.078.744.783	13.102.730.502
Chi phí khác	14.772.016.409	17.121.559.830
TỔNG CỘNG	60.121.296.136	66.674.899.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	243.757.745.046	178.563.222.182
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.876.648.756	2.686.723.589
Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	307.125.000	319.900.000
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	444.000.000	444.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.115.570.279	-
Các khoản điều chỉnh tăng khác	53.155.503	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(211.896.599.246)	(206.502.993.290)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(2.453.630.000)
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	(3.138.374.044)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(20.531.555)
Lỗ năm trước chuyển sang	(35.657.645.338)	-
Lỗ trước thuế ước tính trong năm	-	(30.101.683.118)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	-	166.744.064
Lỗ chịu thuế ước tính trong năm	-	(30.268.427.182)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	33.348.813
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
	-	33.348.813
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Lỗi tính thuế chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty có các khoản lỗi lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai là 39.245.506.572 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 74.903.151.910 VND). Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
2017	2022	(9.544.986.173)	9.544.986.173	-	-
2018	2023	(14.665.595.684)	14.665.595.684	-	-
2019	2024	(20.424.142.871)	11.447.063.481	-	(8.977.079.390)
2020	2025	(30.268.427.182)	-	-	(30.268.427.182)
TỔNG CỘNG		(74.903.151.910)	35.657.645.338	-	(39.245.506.572)

Đây là các khoản lỗi thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty và chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

25.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này:

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm

Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (Thuyết minh số 25.2)	39.245.506.572
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	1.151.887.506
Dự phòng hàng tồn kho	1.115.570.279
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.317.227
TỔNG CỘNG	40.397.394.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con	Cổ tức được chia	21.954.480.000	21.954.480.000
		Phí dịch vụ bảo quản hàng	886.160.250	571.279.355
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Cổ tức được chia	8.485.750.000	2.424.233.305
		Phí dịch vụ bảo quản hàng	1.082.555.137	284.857.848
		Mua hàng hóa	10.361.904	22.496.808
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	Cổ tức được chia	568.750.000	-
		Cung cấp dịch vụ	122.505.788	83.146.443
		Mua hàng hóa	28.875.000	106.690.615
		Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	149.999.999	150.410.959
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Synthelabo	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	125.998.320.000	119.998.400.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	-	33.000.000.000
		Cổ tức được chia	5.538.167.000	4.995.800.400
		Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm	876.190.476	2.192.380.952
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	15.187.480.000	13.289.045.000
		Mua hàng hóa	9.390.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	22.044.801.000	11.305.027.000
		Cung cấp dịch vụ	1.350.374.286	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.485.000.000
		Mua hàng hóa	-	245.561.904
		Phí dịch vụ bảo quản hàng	164.160.000	275.073.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tổng Công ty bán hàng, cũng như mua hàng hóa, dịch vụ và nhận lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi có giá trị là 1.023.750.000 VND liên quan đến số tiền Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 còn nợ Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 716.625.000 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Phải thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	469.000.000
			-	469.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	Phải thu cổ tức được chia	1.023.750.000	1.023.750.000
		Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh	2.500.000.000	2.500.000.000
			3.523.750.000	3.523.750.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả mua hàng hóa	-	74.024.998
		Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	-	302.580.534
			-	376.605.532
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương CPC1	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	1.160.797.355	571.279.355
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	211.200.830	284.857.848
Công Ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	82.080.000	
			1.454.078.185	856.137.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), lương Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thù lao/Lương Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Ông Đinh Xuân Hấn	Thành viên HĐQT/Tổng Giám Đốc	1.038.000.000	1.038.000.000
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	876.000.000	876.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT/ Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu KHCN	690.000.000	690.000.000
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT từ ngày 21 tháng 6 năm 2021	48.000.000	-
Ông Trần Anh Vương	Thành viên HĐQT đến ngày 21 tháng 6 năm 2021	48.000.000	-
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	708.000.000	96.000.000
TỔNG CỘNG		3.648.000.000	3.648.000.000

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê đất trả tiền hàng năm. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả ước tính trong tương lai theo hợp đồng thuê đất dựa theo đơn giá tiền thuê năm 2021 được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	6.148.033.776	6.148.033.776
Trên 1 – 5 năm	24.592.135.104	24.592.135.104
Trên 5 năm	200.407.353.540	206.597.695.757
TỔNG CỘNG	231.147.522.420	237.337.864.637

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.140.323.637	710.499.818
Trên 1 – 5 năm	2.102.968.635	1.276.752.727
Trên 5 năm	217.441.212	486.287.084
TỔNG CỘNG	3.460.733.484	2.473.539.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Người lập

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt

Đinh Xuân Hán
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2022